

LÂM SẢN NGOÀI GỖ Ở VƯỜN QUỐC GIA BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

NON-TIMBER FOREST PRODUCTS (NTFP) AT BU GIA MAP NATIONAL PARK IN BINH PHUOC PROVINCE

Đặng Văn Sơn, Lý Ngọc Sâm

Viện Sinh học Nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Email: dvsonitb@yahoo.com.vn

Tóm tắt - Kết quả điều tra các lâm sản ngoài gỗ ở VQG Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã ghi nhận được 343 loài, 209 chi, 82 họ, 46 bộ của 4 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành thông đất (Lycopodiophyta), ngành dương xỉ (Polypodiophyta), ngành hạt trần (Pinophyta) và ngành hạt kín (Magnoliophyta). Trong đó, có 268 loài có giá trị lâm thuốc, 46 loài làm cảnh, 14 loài làm thực phẩm, 11 loài cây gia dụng, 4 loài cây cho dầu và nhựa, và 25 loài có giá trị bảo tồn theo thang đánh giá của Sách đỏ Việt Nam (2007) và Hội liên hiệp bảo tồn thế giới (2013). Dạng sống của các lâm sản ngoài gỗ được chia làm 6 nhóm chính gồm: cây thân thảo có 28 loài, cây bụi có 87 loài, cây gỗ nhỏ có 74 loài, cây gỗ lớn (lâm sản ngoài gỗ tại sao có cây gỗ - xem giải thích ở phần cuối của bài báo) có 104 loài, dây leo có 29 loài và phụ sinh có 21 loài.

Từ khóa - lâm sản ngoài gỗ, thực vật có ích, tài nguyên thực vật, thực vật, Bù Gia Mập.

1. Đặt vấn đề

Vườn Quốc gia (VQG) Bù Gia Mập là vùng chuyển tiếp giữa núi rừng cao nguyên và đồng bằng Nam Bộ trong đoạn cuối của dãy Nam Trường Sơn, có địa bàn hành chính thuộc huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, với tổng diện tích tự nhiên 26.032 ha. Các sinh cảnh đặc trưng của Vườn Quốc gia là hệ sinh thái rừng thường xanh và bán thường xanh trên núi thấp có cao độ dao động từ 250-750 m so với mặt nước biển. Đây là nơi bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên sinh vật, đặc biệt là các quần xã thực vật và nguồn gen các loài thực vật quý hiếm đặc hữu của khu vực Đông Nam Bộ. Theo thống kê của Viện Sinh học Nhiệt đới (2010) [13] thì VQG có khoảng 1.026 loài, 430 chi, 120 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch; trong đó có nhiều loài thực vật có giá trị sử dụng như lâm thuốc, thực phẩm, làm cảnh, cho gỗ và nhiều giá trị khác. Điều tra nguồn tài nguyên lâm sản ngoài gỗ của VQG là một trong những nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa khoa học và thực tiễn nhằm giúp Ban quản lý VQG có cơ sở trong việc bảo tồn, khai thác và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên ở hiện tại và trong tương lai.

2. Phương pháp nghiên cứu

Điều tra, thu thập thông tin từ những tài liệu, số liệu thống kê có liên quan đến đối tượng nghiên cứu.

Sử dụng phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA) để thu thập thông tin về các lâm sản ngoài gỗ của người dân địa phương sống xung quanh vùng đệm và các vùng lân cận Vườn Quốc gia.

Khảo sát thực địa theo tuyến nhằm thu thập mẫu tiêu bản thực vật có sự tham gia của người dân địa phương để xác định thành phần loài. Việc thu mẫu cần có đầy đủ các bộ phận đặc trưng để phục vụ cho việc phân loại như: thân (cành non, cành già), lá (lá non, lá trưởng thành), hoa (chùm hoa, hoa đực, hoa cái), quả (quả non, quả có hạt),...

Abstract - A survey of non-timber forest products (NTFP) at Bu Gia Map National Park has identified 343 species, 209 genera, 82 families, 46 orders that belong to the four high-rank phyla of vascular plants including Lycopodiophyta, Polypodiophyta, Pinophyta and Magnoliophyta. The NTFPs include medicinal plants with 268 species, ornamental plants with 46 species, vegetables with 14 species, household plants with 11 species, essential oil and oleoresin with 4 species; besides, 25 species were listed for conservation in the Vietnam Red Data Book (2007) and the International Union for Conservation of Nature (2013). The life forms of the NTFPs is divided into six major groups including herbs with 28 species, shrubs with 87 species, small trees 74 species, big trees with 104 species, lianas with 29 species and epiphytes with 21 species.

Key words - non-timber forest products (NTFP); useful plants; plant resources; plants; Bu Gia Map.

Kích thước mẫu vừa phải, khoảng 35-45 cm, được gói gọn trong tờ giấy báo, mỗi loài thường thu từ 4-8 mẫu tiêu bản. Mẫu thu được gắn nhãn mang các thông tin như: địa điểm lấy mẫu, thời gian lấy mẫu, tên hoặc nhóm người lấy mẫu, sinh cảnh lấy mẫu và đặc biệt là các đặc điểm không lưu lại được trên mẫu khi mẫu bị sấy khô, ngâm tẩm (màu sắc hoa, có mù hay không có mù, kích thước cây gỗ,...). Mẫu thu được xử lý sơ bộ ngoài thực địa bằng cồn để tránh hư hỏng mẫu, các mẫu này được bảo quản trong túi nilon kín. Các bộ phận của mẫu phải được bao gói cẩn thận bằng giấy báo hay túi nilon, kèm theo nhãn.

Xác định tên khoa học các loài thực vật theo phương pháp hình thái so sánh dựa trên các tài liệu chuyên ngành và mẫu chuẩn được lưu giữ tại Bảo tàng thực vật thuộc Viện Sinh học Nhiệt đới. Việc phân chia và xác định các nhóm lâm sản ngoài gỗ được dựa vào kết quả điều tra thực địa kết hợp với các tài liệu như: Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam của Triệu Văn Hùng và cộng sự (2007), Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam của Đỗ Tất Lợi (1999), 1900 cây có ích của Trần Đình Lý (1995), Cẩm nang tra cứu đa dạng sinh vật của Nguyễn Nghĩa Thìn (1997), Sách Đỏ Việt Nam (2007), Từ điển cây thuốc Việt Nam của Võ Văn Chi (2012),... Đồng thời lập danh mục các lâm sản ngoài gỗ theo cách sắp xếp của Brummitt (1992).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thành phần loài các lâm sản ngoài gỗ

Từ kết quả phân tích trong phòng thí nghiệm kết hợp với các số liệu thực địa (năm 2009, 2010 và 2013) đã ghi nhận được các lâm sản ngoài gỗ ở Vườn Quốc gia Bù Gia Mập có 343 loài, 209 chi, 82 họ, 46 bộ của 4 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành thông đất (Lycopodiophyta), ngành dương xỉ (Polypodiophyta), ngành hạt trần (Pinophyta) và ngành hạt kín (Magnoliophyta). Trong đó, ngành thông đất có 1 loài (chiếm 0,3% tổng số loài), 1 chi

(chiếm 0,5% tổng số chi), 1 họ (chiếm 1,2% tổng số họ), 1 bộ (chiếm 2,2% tổng số bộ); ngành dương xỉ có 2 loài (chiếm 0,6%), 2 chi (chiếm 1,0%), 2 họ (chiếm 2,4%), 2 bộ (chiếm 4,3%); ngành hạt trần có 4 loài (chiếm 1,2%), 2 chi (chiếm 1,0%), 2 họ (chiếm 2,4%), 2 bộ (chiếm 4,3%) và ngành hạt kín có 336 loài (chiếm 98,0%), 204 chi (chiếm 97,6%), 77 họ (chiếm 93,9%), 41 bộ (chiếm 89,1%). Như vậy, có thể khẳng định rằng: Ngành Hạt kín chiếm ưu thế trong toàn hệ thực vật.

Phân tích sâu hơn về ngành hạt kín (Magnoliophyta) cho thấy kết quả như sau: lớp hai lá mầm (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với số loài là 276 chiếm 82,1%, số chi là 167 chiếm 81,9%, số họ là 64 chiếm 83,1%, số bộ là 33 chiếm 80,5% trong toàn ngành; lớp một lá mầm (Liliopsida) có tỷ lệ thấp hơn, có số loài là 60 chiếm 17,9%, số chi là 37 chiếm 18,1%, số họ là 13 chiếm 16,9% và số bộ là 8 chiếm 19,5%.

Để đánh giá tính đa dạng của các lâm sản ngoài gỗ trong hệ thực vật, chúng tôi tiến hành phân tích các taxon ở bậc họ, chi có nhiều loài nhất của hệ thực vật đó. Bởi vì, tỷ lệ (%) của họ, chi giàu loài nhất được xem là bộ mặt của hệ thực vật và là chỉ số so sánh đáng tin cậy, đồng thời nó không phụ thuộc vào diện tích nghiên cứu cũng như mức độ giàu loài của hệ thực vật. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành phân tích 10 taxon ở bậc họ và 10 taxon ở bậc chi có số lượng loài nhiều nhất.

Ở cấp độ họ, có 10 họ có số lượng loài nhiều nhất với 159 loài chiếm 46,4% tổng số loài các lâm sản ngoài gỗ ở Vườn Quốc gia. Trong đó, họ có số lượng loài nhiều nhất phải kể đến là họ cà phê (Rubiaceae) có 23 loài (chiếm 6,7% tổng số loài); kế đến là họ thầu dầu (Euphorbiaceae) có 22 loài (chiếm 6,4%); họ đậu (Fabaceae) có 20 loài (chiếm 5,8%); họ lan (Orchidaceae) và họ dâu tằm (Moraceae), mỗi họ có 19 loài (chiếm 5,5%); họ trôm (Sterculiaceae) có 12 loài (chiếm 3,5%); sau cùng là họ cau dừa (Arecaceae), họ na (Annonaceae), họ bứa (Clusiaceae) và họ cam chanh (Rutaceae), mỗi họ có 11 loài (chiếm 3,2%).

Ở cấp độ chi, có 10 chi có số lượng loài nhiều nhất với 69 loài chiếm 20,1% tổng số loài các lâm sản ngoài gỗ. Trong đó, chi có số lượng loài nhiều nhất là chi sung (*Ficus*) có 14 loài (chiếm 4,1 % tổng số loài); kế đến là chi lan (*Dendrobium*) có 8 loài (chiếm 2,3%); chi bứa (*Garcinia*) và chi com ngui (*Ardisia*), mỗi chi có 6 loài (chiếm 2,0%); chi đề (*Lithocarpus*), chi dó (*Helicteres*), chi bời lời (*Litsea*) và chi trang (*Ixora*), mỗi chi có 6 loài (chiếm 1,7%); chi dâu (*Dipterocarpus*) có 5 loài (chiếm 1,5%); sau cùng là chi trầm (*Syzygium*) có 4 loài (chiếm 1,2%).

3.2. Dạng sống của các lâm sản ngoài gỗ

Theo cách phân chia dạng sống của Nguyễn Nghĩa Thìn (1997, 2001) thì dạng sống của các lâm sản ngoài gỗ ở VQG Bù Gia Mập được chia làm 6 nhóm dạng sống chính, đó là: cây thân thảo, cây bụi, cây gỗ nhỏ, cây gỗ lớn, dây leo và phụ sinh. Trong đó, nhóm cây gỗ lớn có 104 loài chiếm 30,3% và nhóm cây gỗ nhỏ có 74 loài chiếm 21,6% tổng số loài; hai nhóm này gồm những cây sống ở rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá hay các rừng thuần loại; tập trung chủ yếu vào các họ như họ đậu (Fabaceae), họ dâu (Dipterocarpaceae), họ bứa (Clusiaceae), họ long não (Lauraceae), họ dâu tằm (Moraceae), họ bằng lăng

(Lythraceae), họ trôm (Sterculiaceae), họ thầu dầu (Euphorbiaceae), họ cam chanh (Rutaceae),... Tiếp đến là nhóm cây bụi (B) có 87 loài chiếm 25,4%, nhóm này gặp nhiều ở các trảng cây bụi, trong rừng thường xanh, rừng ven sông suối và ven đường đi; tập trung chủ yếu vào các họ như họ đậu (Fabaceae), họ bông (Malvaceae), họ cà phê (Rubiaceae), họ cỏ roi ngựa (Verbenaceae), họ đay (Tiliaceae), họ na (Annonaceae), họ đơn nem (Myrsinaceae), họ ngũ gia bì (Araliaceae),... Kế đến là nhóm dây leo có 29 loài chiếm 8,5%, nhóm này gồm các cây sống ở ven rừng hay dưới tán rừng và tập trung vào một số họ như họ thiên lý (Asclepiadaceae), họ hồ tiêu (Piperaceae), họ nho (Vitaceae), họ bìm bìm (Convolvulaceae), họ cau dừa (Arecaceae), họ khoai ngọt (Dioscoreaceae), họ kim can (Smilacaceae),... Nhóm cây thân thảo (C) có 28 loài chiếm 8,2% tổng số loài, nhóm này gồm các cây sống ở trảng cỏ, dưới tán rừng, ven rừng, các vùng đất ngập nước hay ven các sông suối, tập trung chủ yếu vào các họ như họ cúc (Asteraceae), họ thầu dầu (Euphorbiaceae), họ hòa thảo (Poaceae), họ gừng (Zingiberaceae), họ ráy (Araceae),... Sau cùng là nhóm cây phụ sinh (PS) có 21 loài chiếm 6,1%, nhóm này thường sống bám vào các cây gỗ lớn hay trên các tầng thảm mục dày ở rừng thường xanh hay rừng nửa rụng lá, tập trung chủ yếu vào các họ như lan (Orchidaceae), thiên lý (Asclepiadaceae),... Như vậy, nhóm cây gỗ lớn (30,3%) và nhóm cây bụi (25,4%) chiếm tỷ trọng cao nhất trong số các dạng sống hiện có ở khu vực nghiên cứu. Điều này cho thấy nhóm cây gỗ lớn và nhóm cây bụi đóng vai trò quan trọng tạo nên các kiểu sinh cảnh thực vật và sự đa dạng về giá trị tài nguyên của VQG. Chúng không chỉ đem lại lợi ích sử dụng mà còn góp phần điều hòa khí hậu và bảo vệ môi trường.

3.3. Các nhóm lâm sản ngoài gỗ ở khu vực nghiên cứu

Cho đến nay, có rất nhiều cách để phân chia các nhóm lâm sản ngoài gỗ, tuy nhiên chưa có một hệ thống phân loại nào được thống nhất. Do vậy, trên cơ sở các hệ thống phân loại đã có, kết hợp với công dụng cũng như nguồn gốc của thực vật, chúng tôi tạm chia lâm sản ngoài gỗ ở VQG Bù Gia Mập làm 5 nhóm chính gồm: nhóm cây làm thuốc, nhóm cây làm thực phẩm, nhóm cây làm cảnh, nhóm cây gia dụng và nhóm cây cho dầu và nhựa. Ưu điểm của cách phân chia này là gần với phương thức sử dụng các lâm sản ngoài gỗ của người dân địa phương, dễ hiểu và dễ sử dụng.

Nhóm cây làm thuốc: đã ghi nhận được ở VQG Bù Gia Mập có 268 loài (chiếm 78,1% tổng số loài) có giá trị làm thuốc. Các bộ phận được sử dụng từ cây thuốc rất linh hoạt, có khi là rễ, vỏ, lá hoặc toàn cây. Những bài thuốc từ những loài cây thuốc được sử dụng thường xuyên trong nhân dân để chữa các bệnh thông thường như cảm cúm, sốt, sốt cao, ho, lở loét, mẩn ngứa, thanh nhiệt, giải độc, đau răng hay nhiều bệnh khác. Theo kết quả điều tra ở 3 thôn (Bù Lư, Đắc Côn và Bù Gia) nằm trong vùng đệm của VQG thuộc xã Bù Gia Mập đã xác định được 57 bài thuốc, với 11 nhóm công dụng khác nhau bao gồm: nhóm bài thuốc chữa kiết lỵ, đau bụng, tiêu chảy (có 11 bài thuốc); nhóm chữa dị ứng, mụn nhọt, viêm ngoài da (8 bài); nhóm trị ho, hen, cảm hàn (7 bài); nhóm trị sốt, sốt rét, hạ nhiệt (6 bài); nhóm dùng cho hậu sản (6 bài); nhóm trị đau thận, bí tiểu (5 bài); nhóm cảm

máu (4 bài); nhóm chữa bong gân, gãy xương (4 bài); nhóm chữa đau lưng, viêm khớp, nhức mỏi (3 bài); nhóm trị đau mắt (2 bài) và nhóm trị bệnh liên quan thần kinh (1 bài). Các loài cây thuốc được khai thác mang tính chất thương mại hay được sử dụng phổ biến trong nhân dân để chữa trị một số bệnh thông thường như bá bệnh (*Eurycoma longifolia*), bí kị nam (*Hydnophytum formicarum*), hà thủ ô nam (*Stretocaulon juvenas*), sâm cau (*Curculigo sp*), ba gạc (*Rauvolfia sp*), thiên niên kiện (*Homalomena occulata*), hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria*), nhãn lồng (*Passiflora foetida*), mù u (*Calophyllum inophyllum*), thành ngạnh nam (*Cratoxylum cochinchinensis*), lười ươi (*Scaphium macropodium*), núc nác (*Oroxylum indicum*), cát lồi (*Costus speciosus*),... Đây là những loài phổ biến ở VQG, có số lượng nhiều và dễ thu hái.

Nhóm cây làm cảnh: ở VQG Bù Gia Mập, đã ghi nhận được 46 loài (chiếm 13,4%) có giá trị làm cảnh. Nhóm này bao gồm các loài cây cho hoa đẹp, cây cảnh, bonsai và cây cho bóng mát. Bên cạnh giá trị thẩm mỹ, nhóm cây làm cảnh còn có tác dụng điều hòa khí hậu, chống ô nhiễm, cải tạo môi trường và giảm tiếng ồn nơi đô thị. Quá trình khai thác nhóm cây này thường xảy ra một cách tự phát bởi một số ít người có sở thích chơi cây cảnh ở địa phương, các loài cây được khai thác nhiều gồm duối nhám (*Streblus asper*), các loài lan rừng (*Dendrobium spp.*), phát dụ mảnh (*Dracaena gracilis*), đa bồ đề (*Ficus religiosa*), mai cánh lõm (*Campylospermum serratum*), mai (*Ochna integerrima*), trang trắng (*Ixora heryi*), trang đỏ (*Ixora chinensis*), muồng java (*Cassia agnes*), sỏ trai (*Dillenia ovata*), thủ hải đường (*Begonia harmandii*), săng sáo (*Donella lanceolata*).

Nhóm cây làm thực phẩm: đã ghi nhận được ở VQG Bù Gia Mập có 14 loài (chiếm 4,1%) có giá trị làm thực phẩm. Nhóm này bao gồm các loài cây ăn được như cho gia vị, làm rau, cho quả ăn được và các bộ phận khác ăn được. Các loài cây ăn được đóng vai trò quan trọng đối với người dân sống xung quanh vùng đệm hay bộ đội sống dọc khu vực biên giới đang ngày đêm bảo vệ sự bình yên cho Tổ quốc. Chính các loài cây rừng ăn được như củ mài, rau rừng không chỉ làm thay đổi khẩu vị bữa ăn mà thực chất là cấp thiết cho nhu cầu dinh dưỡng. Đó là nguồn vitamin tự nhiên, chất khoáng, chất chống oxy hóa, chất xơ cần thiết chống lại bệnh tật, đảm bảo sức khỏe và cứu sống bao nhiêu con người. Các loài rau rừng được sử dụng phổ biến như rau bết (*Gnetum gnemon*), mít chay (*Artocarpus gomezianus*), bứa (*Garcinia hainanensis*), lộc vừng (*Barringtonia acutangula*), rau má (*Hydrocotyle siamica*), sồng rể (*Albizia chinensis*), guôi (*Willughbeia edulis*), lá dăng (*Aganonerion polymorphum*), ngọc nữ (*Clerodendrum serratum*).

Nhóm cây gia dụng: đã ghi nhận được ở VQG Bù Gia Mập có 11 loài (chiếm 3,2%) có giá trị gia dụng. Nhóm này bao gồm các loài cây cho vỏ, lá hay gỗ có chứa tế bào sợi dài, dai và chịu lực tốt; được khai thác để sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau như đan lát, bệnh dây, lợp nhà, làm phân xanh, dây cột, chất đốt hay các đồ gia công mỹ nghệ,... Các loài được khai thác và sử dụng phổ biến như tre la ngà (*Bambusa blumeana*), tre lồ ô (*Bambusa procera*), lồ ô (*Cyrtococcum patens*), song mây (*Calamus pseudoscutellaris*), mây cam bót (*Calamus cambodiensis*), mây mật (*Calamus tetradactylus*),

đùng đùng (*Caryota mitis*), sắn bủ (*Memecylon edule*), xâm cánh cọng đại (*Glyptopetalum longipedunculatum*), chàm đại (*Indigofera galeoides*).

Nhóm cây cho dầu và nhựa: ở VQG Bù Gia Mập, đã ghi nhận được 4 loài (chiếm 1,2%) có giá trị cho dầu và nhựa dầu. Đây là những lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao, cung cấp các sản phẩm như tinh dầu, dầu béo, nhựa dầu và nhựa. Bên cạnh đó chúng còn là nguồn tài nguyên có nhiều ý nghĩa quan trọng về mặt xã hội, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường, đặc biệt là ở các khu vực biên giới. Các loài được khai thác và sử dụng phổ biến như dầu song nàng (*Dipterocarpus dyeri*), dầu mít (*Dipterocarpus obtusifolius*), dầu lông (*Dipterocarpus intricatus*).

3.4. Giá trị về nguồn gen quý hiếm của các lâm sản ngoài gỗ

Các lâm sản ngoài gỗ ở VQG Bù Gia Mập không chỉ có giá trị sử dụng đối với người dân địa phương, mà còn có giá trị về mặt bảo tồn nguồn gen. Việc xác định các loài thực vật có giá trị bảo tồn sẽ giúp các nhà quản lý lập chiến lược phù hợp trong việc bảo tồn, khai thác và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên của VQG. Theo Sách đỏ Việt Nam (SĐVN-2007) [2] và Hội liên hiệp bảo tồn thế giới (IUCN-2013) [14], thì ở VQG Bù Gia Mập có 25 loài thực vật là các lâm sản ngoài gỗ có giá trị bảo tồn (chiếm 7,3% tổng số loài). Trong đó, có 3 loài được xếp ở thứ hạng Rất nguy cấp (CR) theo IUCN-2013 là dầu song nàng (*Dipterocarpus dyeri*), dầu bóng (*Dipterocarpus turbinatus*) và trầm hương (*Aquilaria crassna*); 8 loài được xếp ở thứ hạng Nguy cấp (EN) theo SĐVN-2007 và IUCN-2013 là gỗ đỏ (*Azelia xylocarpa*), cẩm lai vú (*Dalbergia oliveri*), giáng hương trái to (*Pterocarpus macrocarpus*), dầu con rái (*Dipterocarpus alatus*), dầu mít (*Dipterocarpus costatus*), sến mù (*Shorea roxburghii*), trầm hương (*Aquilaria crassna*) – loài này ở IUCN xếp ở thứ hạng Rất nguy cấp (CR) và kim điệp (*Dendrobium chrysotoxum*); 4 loài được xếp ở thứ hạng Sẽ nguy cấp (VU) theo SĐVN-2007 và IUCN-2013 là xoài rừng (*Mangifera minutifolia*), dầu song nàng (*Dipterocarpus dyeri*) – loài này ở IUCN xếp ở thứ hạng Rất nguy cấp (CR), sao đen (*Hopea odorata*), thủy tiên trắng (*Dendrobium farmeri*) và sâm cau (*Peliosanthes teta*); 11 loài được xếp ở thứ hạng Ít nguy cấp (LR) theo IUCN-2013 là tung (*Tetrameles nudiflora*), xây (*Dialium cochinchinensis*), mò cua (*Alstonia scholaris*), cây (*Irvingia malayana*), lười ươi (*Scaphium macropodium*), cang hom lá nguyên (*Ailanthus integrifolia*), thành ngạnh (*Cratoxylum maingayi*), thành ngạnh nam (*Cratoxylum cochinchinensis*), thành ngạnh đẹp (*Cratoxylum formosum*), dầu lông (*Dipterocarpus intricatus*) và cà chắt (*Shorea obtusa*).

4. Kết luận

Đã ghi nhận được các lâm sản ngoài gỗ ở VQG Bù Gia Mập có 343 loài, 209 chi, 82 họ, 46 bộ của 4 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành thông đất (Lycopodiophyta), ngành dương xỉ (Polypodiophyta), ngành hạt trần (Pinophyta) và ngành hạt kín (Magnoliophyta).

Dạng sống của các lâm sản ngoài gỗ được chia làm 6 nhóm chính, đó là cây thân thảo có 28 loài (chiếm 8,2%), cây bụi có 87 loài (chiếm 25,4%), cây gỗ nhỏ có 74 loài (chiếm 21,6%), cây gỗ lớn có 104 loài (chiếm 30,3%), dây leo có 29 loài (chiếm 8,5%) và phụ sinh có 21 loài (chiếm 6,1%).

Các lâm sản ngoài gỗ được phân chia làm 5 nhóm chính là nhóm cây làm thuốc có 268 loài (chiếm 78,1%), nhóm cây làm cảnh có 46 loài (chiếm 13,4%), nhóm cây làm thực phẩm có 14 loài (chiếm 4,1%), nhóm cây gia dụng có 11 loài (chiếm 3,2%) và nhóm cây cho dầu và nhựa có 4 loài (chiếm 1,2%).

Đã xác định được 25 loài thực vật là các lâm sản ngoài gỗ có giá trị bảo tồn (chiếm 7,3% tổng số loài) theo thang đánh giá của Sách đỏ Việt Nam (SĐVN-2007) và Hội liên hiệp bảo tồn thế giới (IUCN-2013).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Huy Bích và nnk, *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, Tập 1*, 2, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Năm 2006.
- [2] Bộ Khoa học và Công nghệ, *Sách đỏ Việt Nam - Phần thực vật*, Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Năm 2007.
- [3] Võ Văn Chi, *Từ điển cây thuốc Việt Nam, tập 1*, 2, NXB Y học, Năm 2012.
- [4] Phạm Hoàng Hộ, *Cây cỏ Việt Nam, Tập 1*, 2, 3, NXB Trẻ, Năm 1999.
- [5] Phạm Hoàng Hộ, *Cây cỏ vị thuốc ở Việt Nam*, NXB Trẻ, Năm 2006.
- [6] Trần Hợp, *Tài nguyên cây gỗ Việt Nam*, NXB Nông nghiệp, Năm 2003.
- [7] Triệu Văn Hùng (Chủ biên), *Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam*, NXB Bản đồ, Năm 2007.
- [8] Đỗ Tất Lợi, *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Năm 1999.
- [9] Trần Đình Lý, *1900 loài cây có ích*, Nxb thế giới Hà Nội, Năm 1995.
- [10] Nguyễn Nghĩa Thìn, *Cẩm nang tra cứu đa dạng sinh vật*, NXB. Nông nghiệp, Năm 1997.
- [11] Nguyễn Nghĩa Thìn, *Thực vật học dân tộc - Cây thuốc của đồng bào Thái Con Công Nghệ An*, NXB Nông nghiệp, Năm 2001.
- [12] H.Lecomte, *Flore Generale De L'Indo Chine*, Paris Masson et Cie'Editeus, Năm 1922.
- [13] Viện Sinh học Nhiệt đới, *Điều tra, giám sát một số loài và sinh cảnh quan trọng tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập (Giai đoạn 2009-2010) – Phần giám sát sinh cảnh và thực vật*, Báo cáo khoa học, Năm 2010.
- [14] <http://www.iucnredlist.org>

(BBT nhận bài: 31/07/2014, phản biện xong: 25/08/2014)